

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI NGUYÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

Tháng 02 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đào Đại Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hoà	Ủy viên
Ông Tôn Quốc Bình	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Bà Hoàng Ngọc Hà	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/08/2014)
Bà Nguyễn Thị Hòa	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/08/2014)
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số CT..... 3574 ..... Quyển số 02.....  
Ngày... 13... tháng... 10... năm 20... 16



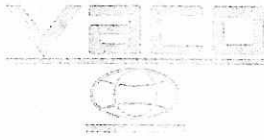
*Hoàng Ngọc Hà*  
Hoàng Ngọc Hà  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2015



*Nguyễn Văn Kỳ*  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Văn Kỳ





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 41/VACO/BCKT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2015, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

#### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở



Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢN SAO**

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI NGUYÊN

Thôn Phù Lội, xã Thuận Thành  
Huyện Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B01-DN  
Đơn vị tính: VND

	01/01/2014	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
59	50.693.499.839	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.519.284.000</b>
		(100=110+130+140+150)			
24	2.257.691.561	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>597.057.000</b>
24	2.257.691.561	1. Tiền	111		597.057.000
40	20.328.116.355	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.599.762.800</b>
76	18.479.344.408	1. Phải thu khách hàng	131	6	13.838.221.500
00	1.834.000.000	2. Trả trước cho người bán	132	7	1.750.310.000
64	14.771.947	3. Các khoản phải thu khác	135		11.231.000
20	26.008.036.053	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>6.748.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI NGUYÊN  
Thôn Phù Lôi, xã Thuận Thành  
Huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		40.532.113.776	47.788.395.061
I. Nợ ngắn hạn	310		40.532.113.776	47.788.395.061



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 02 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2014	Năm 2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		996.443.951.593	789.390.866.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.587.629.939	2.569.877.998
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	990.856.321.654	786.820.988.702
4. Giá vốn hàng bán	11	17	974.695.023.333	772.007.222.217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.161.298.321	14.813.766.485
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	71.312.155	34.914.058
7. Chi phí bán hàng	24	20	10.080.283.176	9.272.220.315
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	1.921.457.155	1.628.079.021
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-24-25)	30		4.230.870.145	3.948.381.207
10. Thu nhập khác	31		961.898.046	-
11. Chi phí khác	32		819.943.815	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		141.954.231	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.372.824.376	3.948.381.207
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	979.214.363	987.095.302
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.393.610.013	2.961.285.905
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.560	1.361

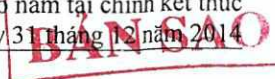
Đỗ Thị Thu Hằng  
Người lập biểu  
Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Đỗ Thị Thu Hằng  
Phụ trách kế toán

Hoàng Ngọc Hà  
Giám đốc







**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**MẪU B 03 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	4.372.824.376	3.948.381.207
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	1.179.491.823	899.184.551
- Các khoản dự phòng	3	25.636.235	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(26.334.625)	(34.914.058)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	5.551.617.809	4.812.651.700
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	5.960.602.854	(5.113.988.829)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19.325.216.698	(21.279.448.194)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(19.157.266.620)	26.608.934.576
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(978.512.888)	(260.558.771)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.124.979.425)	(377.464.405)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(594.835.000)	(303.463.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.981.843.428	4.086.662.440
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.985.981.029)	(2.567.131.286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	909.090.909	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.312.155	34.914.058
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.005.577.965)	(2.532.217.228)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.619.300.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(256.200.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(652.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.363.100.000	(652.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.660.634.537)	901.885.212
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.257.691.561	1.355.806.349
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	597.057.024	2.257.691.561

**Thông tin phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 1.545.000.000 VND (năm 2013 là 1.834.000.000 VND), là số tiền dùng để ứng trước cho nhà cung cấp tiền theo hợp đồng xây dựng cơ bản và ứng trước tiền chuyển quyền sử dụng đất của công trình xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.294.098.216 VND (năm 2013 là 0 VND), là số tiền chưa thanh toán cho nhà cung cấp để thực hiện xây dựng tài sản. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Đỗ Thị Thu Hằng  
 Người lập biểu  
 Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Đỗ Thị Thu Hằng  
 Phụ trách kế toán



Hoàng Ngọc Hà  
 Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên là doanh nghiệp cổ phần được chuyển đổi tên từ Công ty Cổ phần Cảng Xăng dầu Thái Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600409345 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 11/06/2007; Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01/06/2011. Vốn điều lệ của Công ty là 21.752.000.000 VND, tương đương 2.175.200 cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên, Công ty mẹ góp 15.226.400.000 VND, tương đương 1.522.640 cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2014 là 33 người (tại ngày 31/12/2013 là 40 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

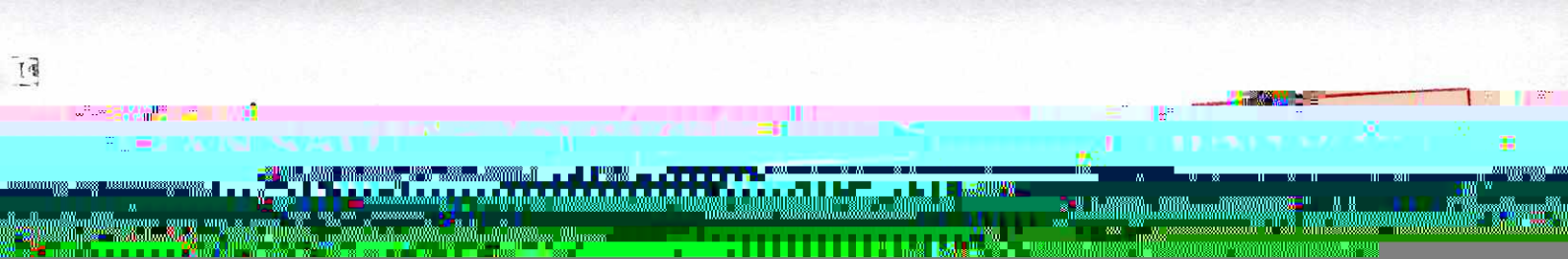
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu mỡ nhờn;
- Mua bán khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Mua bán xuất nhập khẩu các loại quặng kim loại; Mua bán sắt thép xây dựng; Mua bán xi măng;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô; Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa;
- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; Cảng sông; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Xây dựng dân dụng, giao thông; Thuỷ lợi; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác, mua bán cát sỏi; Mua bán than.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-ĐN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	97.259.398	1.668.168.308
Tiền gửi ngân hàng	499.797.626	589.523.253
<b>Cộng</b>	<u><u>597.057.024</u></u>	<u><u>2.257.691.561</u></u>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Hòa Bi	3.260.953.600	6.338.982.002
Công ty TNHH MTV Xây dựng Hà Quy	1.924.858.230	-
Doanh nghiệp Xăng dầu Mạnh Hùng	1.811.654.680	1.784.285.960
Công ty Cổ phần gang thép Gia Sàng	1.380.518.115	929.021.385
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc	1.017.117.815	962.808.242
Doanh nghiệp tư nhân Nghĩa Bình	999.284.600	299.881.360
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	817.038.579	1.703.185.901
Cửa hàng bán lẻ Phở Yên	797.046.602	2.078.487.801
Công ty Cổ phần Khoáng sản An Khánh	746.855.610	-
Phải thu đối trọng khác	1.082.893.945	4.382.691.757
<b>Cộng</b>	<u><u>13.838.221.776</u></u>	<u><u>18.479.344.408</u></u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Bà Hoàng Ngọc Hà	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Lâm Khải	181.310.000	-
Công ty Cổ phần LICOGI 13	-	200.000.000
Công ty TNHH tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng T&T	-	100.000.000
Trả trước cho người bán khác	69.000.000	34.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>1.750.310.000</u></u>	<u><u>1.834.000.000</u></u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng hóa	6.752.210.255	26.098.936.953
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<u><u>6.773.720.255</u></u>	<u><u>26.098.936.953</u></u>

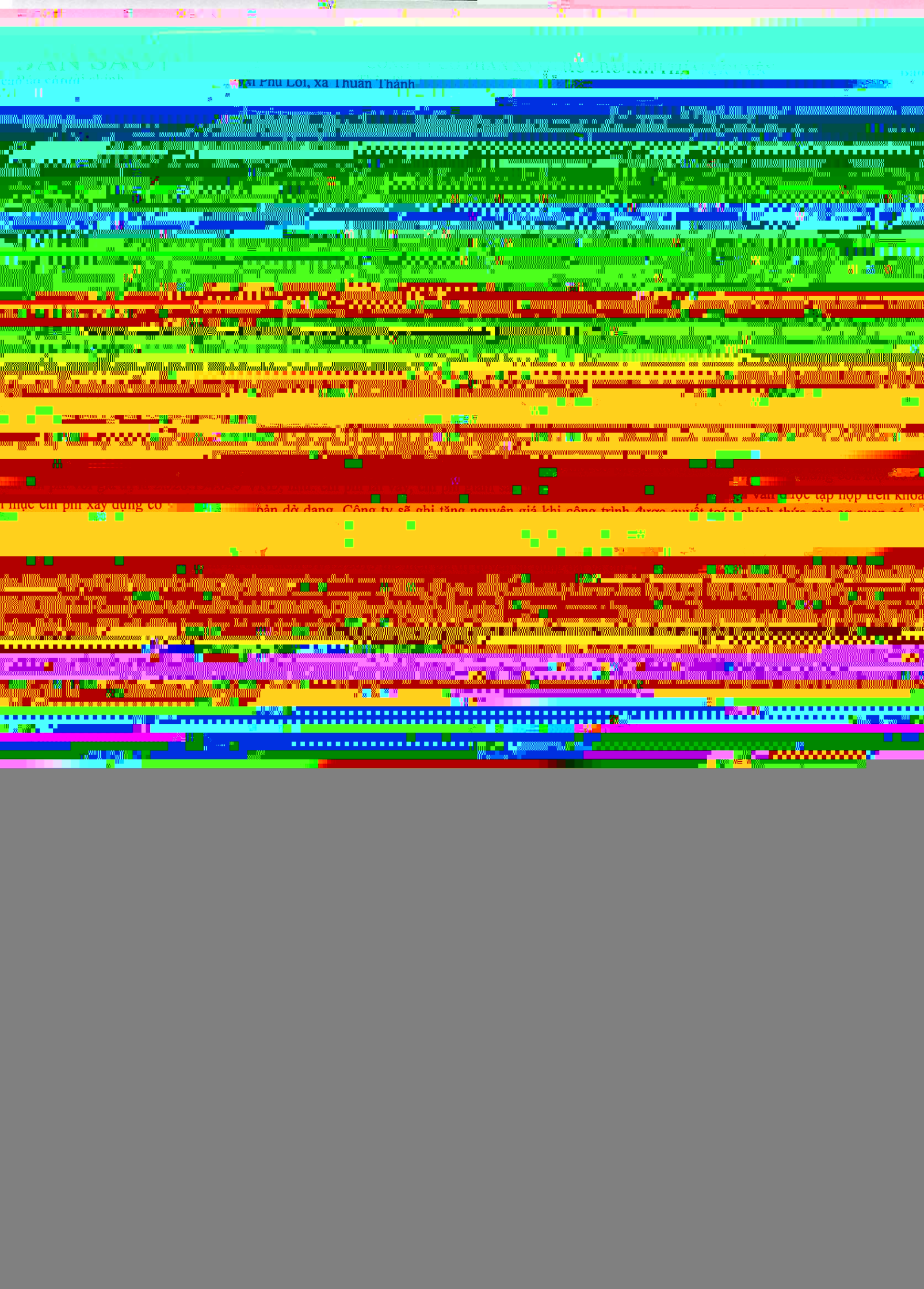
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (25.636.235)

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

6.748.084.020

26.098.936.953





DAN SAU

Phu Loi, xa Thuan Thanh

Mục chi phí xây dựng cơ bản Đơn vị tính Số lượng Đơn giá

Mục chi phí xây dựng cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
1	m <sup>2</sup>	100	1000000
2	m <sup>3</sup>	50	2000000
3	m <sup>2</sup>	200	500000
4	m <sup>3</sup>	100	1500000
5	m <sup>2</sup>	150	700000
6	m <sup>3</sup>	80	1800000
7	m <sup>2</sup>	120	600000
8	m <sup>3</sup>	60	2200000
9	m <sup>2</sup>	180	450000
10	m <sup>3</sup>	90	1600000
11	m <sup>2</sup>	140	550000
12	m <sup>3</sup>	70	1900000
13	m <sup>2</sup>	160	480000
14	m <sup>3</sup>	85	2100000
15	m <sup>2</sup>	130	650000
16	m <sup>3</sup>	65	2300000
17	m <sup>2</sup>	170	420000
18	m <sup>3</sup>	95	1700000
19	m <sup>2</sup>	110	580000
20	m <sup>3</sup>	75	2000000
21	m <sup>2</sup>	190	380000
22	m <sup>3</sup>	88	2400000
23	m <sup>2</sup>	155	520000
24	m <sup>3</sup>	68	2500000
25	m <sup>2</sup>	175	400000
26	m <sup>3</sup>	92	1800000
27	m <sup>2</sup>	125	620000
28	m <sup>3</sup>	78	2100000
29	m <sup>2</sup>	165	460000
30	m <sup>3</sup>	82	2200000
31	m <sup>2</sup>	145	500000
32	m <sup>3</sup>	72	2300000
33	m <sup>2</sup>	185	350000
34	m <sup>3</sup>	98	1600000
35	m <sup>2</sup>	115	550000
36	m <sup>3</sup>	62	2400000
37	m <sup>2</sup>	175	380000
38	m <sup>3</sup>	85	2500000
39	m <sup>2</sup>	155	450000
40	m <sup>3</sup>	75	2600000
41	m <sup>2</sup>	195	320000
42	m <sup>3</sup>	100	1500000
43	m <sup>2</sup>	125	600000
44	m <sup>3</sup>	65	2700000
45	m <sup>2</sup>	185	300000
46	m <sup>3</sup>	95	1400000
47	m <sup>2</sup>	115	580000
48	m <sup>3</sup>	55	2800000
49	m <sup>2</sup>	175	280000
50	m <sup>3</sup>	85	1300000
51	m <sup>2</sup>	155	480000
52	m <sup>3</sup>	75	2900000
53	m <sup>2</sup>	195	250000
54	m <sup>3</sup>	105	1200000
55	m <sup>2</sup>	125	550000
56	m <sup>3</sup>	55	3000000
57	m <sup>2</sup>	175	220000
58	m <sup>3</sup>	85	1100000
59	m <sup>2</sup>	155	420000
60	m <sup>3</sup>	75	3100000
61	m <sup>2</sup>	195	180000
62	m <sup>3</sup>	115	1000000
63	m <sup>2</sup>	125	500000
64	m <sup>3</sup>	45	3200000
65	m <sup>2</sup>	175	150000
66	m <sup>3</sup>	95	900000
67	m <sup>2</sup>	155	380000
68	m <sup>3</sup>	75	3300000
69	m <sup>2</sup>	195	120000
70	m <sup>3</sup>	125	800000
71	m <sup>2</sup>	125	450000
72	m <sup>3</sup>	35	3400000
73	m <sup>2</sup>	175	100000
74	m <sup>3</sup>	105	700000
75	m <sup>2</sup>	155	320000
76	m <sup>3</sup>	65	3500000
77	m <sup>2</sup>	195	80000
78	m <sup>3</sup>	135	600000
79	m <sup>2</sup>	125	400000
80	m <sup>3</sup>	25	3600000
81	m <sup>2</sup>	175	60000
82	m <sup>3</sup>	145	500000
83	m <sup>2</sup>	155	280000
84	m <sup>3</sup>	55	3700000
85	m <sup>2</sup>	195	40000
86	m <sup>3</sup>	165	400000
87	m <sup>2</sup>	125	350000
88	m <sup>3</sup>	35	3800000
89	m <sup>2</sup>	175	20000
90	m <sup>3</sup>	175	300000
91	m <sup>2</sup>	155	250000
92	m <sup>3</sup>	25	3900000
93	m <sup>2</sup>	195	10000
94	m <sup>3</sup>	195	200000
95	m <sup>2</sup>	125	200000
96	m <sup>3</sup>	15	4000000
97	m <sup>2</sup>	175	5000
98	m <sup>3</sup>	205	100000
99	m <sup>2</sup>	155	150000
100	m <sup>3</sup>	25	4100000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	599.914.286	-
Tăng trong năm	24.232.605.475	599.914.286
Kết chuyển tài sản cố định	(21.834.534.262)	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b><u>2.997.985.499</u></b>	<b><u>599.914.286</u></b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng được theo dõi của Công trình cụm cảng Đa Phúc.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt nam	14.785.465.614	42.945.089.936
Doanh nghiệp tư nhân Hòa Bi	276.000.000	3.447.160
Công ty TNHH Xây dựng Đại Dương	340.364.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	1.777.666.913	-
Phải trả đối tượng khác	407.494.881	137.585.337
<b>Cộng</b>	<b><u>17.586.991.408</u></b>	<b><u>43.086.122.433</u></b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.223.129.526	189.296.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	741.186.204	886.951.266
Thuế thu nhập cá nhân	6.947.862	5.774.970
Các loại thuế khác	4.612.633.379	2.903.821.350
<b>Cộng</b>	<b><u>6.583.896.971</u></b>	<b><u>3.985.844.474</u></b>

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Hà Nội - PGD Ba Đình	7.578.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.578.300.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Hợp đồng vay số 002/021/2014-HĐTDTDH ngày 24/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Ba Đình và Công ty:

- Số tiền vay 20.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng vốn vay là đầu tư xây dựng Kho cảng Đa Phúc;
- Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, thời gian ân hạn gốc là 03 tháng kể từ ngày Bên được cấp tín dụng ký hợp đồng này, thời gian trả nợ gốc là 03 tháng;
- Giải ngân vốn nhiều lần;
- Lãi suất cho vay được quy định trong từng lần nhận nợ, lãi suất năm đầu tiên là 9,99%, các năm tiếp theo được tính bằng lãi suất không kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Biện pháp đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 908860 ngày 25/11/2008 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp; quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 900431 ngày 25/11/2008 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp; quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 900432 ngày 25/11/2008 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp; quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xóm chùa 1, xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 908859 ngày 25/11/2008 do UBND huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp và tài sản và vật kiến trúc trên đất sẽ hình thành trong tương lai theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Kho cần Xăng dầu Đa Phúc” số 201/QĐ-DKTN ngày 12/11/2013 của Chủ tịch Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Thái Nguyên.

**Lịch trả nợ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.784.800.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.139.200.000	-
Sau năm năm	439.100.000	-
<b>Tổng</b>	<b>9.363.100.000</b>	<b>-</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.784.800.000)	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>7.578.300.000</b>	<b>-</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>1.263.704.638</b>	<b>248.132.954</b>	<b>642.835.362</b>	<b>23.906.672.954</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	2.961.285.905	2.961.285.905
- Phân phối lợi nhuận	-	189.805.188	63.268.373	(506.147.051)	(253.073.490)
- Thù lao HĐQT và BKS tạm chi trả năm 2013	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
- Tặng khác	-	-	-	22.752.000	22.752.000
- Giảm khác	-	-	-	(31.500.000)	(31.500.000)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>1.453.509.826</b>	<b>311.401.327</b>	<b>3.026.226.216</b>	<b>26.543.137.369</b>
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.393.610.013	3.393.610.013
- Phân phối lợi nhuận	-	421.092.886	140.364.295	(1.122.914.362)	(561.457.181)
- Trả tiền thù lao HĐQT và BKS từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	(91.000.000)	(91.000.000)
- Thù lao HĐQT và BKS tạm chi trả năm 2014	-	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>1.874.602.712</b>	<b>451.765.622</b>	<b>5.061.921.867</b>	<b>29.140.290.201</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 22/NQ-DHĐCĐ-DKTN ngày 17/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông, lợi nhuận năm 2013 được phân phối cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền	Tỷ lệ trích
Quỹ dự phòng tài chính	140.364.295	5%
Quỹ đầu tư phát triển	421.092.886	15%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	561.457.181	20%
Lợi nhuận để lại	1.684.371.543	60%
<b>Tổng lợi nhuận phân phối quỹ</b>	<b>2.807.285.905</b>	<b>100%</b>
Thù lao hội đồng quản trị, BKS không chuyên trách	84.000.000	
Thưởng ban điều hành	70.000.000	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013</b>	<b>2.961.285.905</b>	

**Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	VND	%
Tổng Công ty dầu Việt Nam	15.226.400.000	15.226.400.000	70,0%
Bà Nguyễn Thị Hòa	5.350.000.000	5.350.000.000	24,6%
Bà Hoàng Ngọc Hà	1.175.600.000	1.175.600.000	5,4%
<b>Cộng</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>21.752.000.000</b>	<b>100,0%</b>

**16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>996.443.951.593</b>	<b>789.390.866.700</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hoá	988.863.345.217	789.390.866.700
- Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	7.580.606.376	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>5.587.629.939</b>	<b>2.569.877.998</b>
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	5.439.244.483	2.537.450.135
- Hàng bán bị trả lại	4.129.745	-
- Giảm giá hàng bán	144.255.711	32.427.863
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>990.856.321.654</b>	<b>786.820.988.702</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	968.164.723.099	772.007.222.217
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.530.300.234	-
<b>Cộng</b>	<b>974.695.023.333</b>	<b>772.007.222.217</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.121.040.372	1.345.019.410
Chi phí nhân công	3.916.973.907	2.860.866.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.179.491.823	899.184.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.422.948.475	5.795.228.506
<b>Cộng</b>	<b><u>18.640.454.577</u></b>	<b><u>10.900.299.336</u></b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.312.155	34.914.058
<b>Cộng</b>	<b><u>71.312.155</u></b>	<b><u>34.914.058</u></b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.940.020.907	2.580.693.183
Chi phí vật liệu, bao bì	992.572.729	3.901.423.722
Chi phí khấu hao TSCĐ	751.797.308	532.571.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.191.156.535	2.098.364.986
Chi phí bằng tiền khác	204.735.697	159.166.923
<b>Cộng</b>	<b><u>10.080.283.176</u></b>	<b><u>9.272.220.315</u></b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	976.953.000	846.675.215
Chi phí vật liệu quản lý	128.467.643	122.202.187
Chi phí khấu hao TSCĐ	427.694.515	361.891.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.025.938	257.439.951
Chi phí bằng tiền khác	135.316.059	39.870.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.921.457.155</u></b>	<b><u>1.628.079.021</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	4.372.824.376	3.948.381.207
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	78.150.000	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	78.150.000	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>4.450.974.376</b>	<b>3.948.381.207</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>979.214.363</b>	<b>987.095.302</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>979.214.363</b>	<b>987.095.302</b>

Ngoài khoản 78.150.000 VND nêu trên, trong năm, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.393.610.013	2.961.285.905
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.393.610.013	2.961.285.905
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.175.200	2.175.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.560</b>	<b>1.361</b>

**24. NGHIỆP VỤ PHÁT SINH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Bản chất bên liên quan	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>			
DNTN Hòa Bi	Quan hệ thân nhân TV HĐQT	245.276.488.499	239.275.409.514
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty trong cùng công ty mẹ	609.473.290	1.104.825.157
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ		176.624.545
<b>Mua hàng</b>			
Tổng Công ty Dầu Việt nam	Công ty mẹ	950.252.700.332	574.459.647.270
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Hà Nội	Chi nhánh của Công ty cùng công ty mẹ	-	174.605.391.570
Doanh nghiệp tư nhân Hòa Bi	Quan hệ thân nhân TV HĐQT	6.838.160.235	40.714.150.598





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

- Hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu La Hiên số 66-HĐTTS/DKTN giữa Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên với Doanh nghiệp tư nhân Hòa Bi ngày 01/9/2011 về việc thuê trọn gói cửa hàng xăng dầu của Doanh nghiệp Tư nhân Hòa Bi tại địa bàn thị trấn La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Thời hạn thuê tối đa là 5 năm từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê trọn gói là 10.000.000 VND/tháng. Thanh toán 1 tháng 1 lần ngay sau khi nhận hóa đơn GTGT. Phụ lục hợp đồng số 66.1/PL-HĐTTS/DKTN từ ngày 01/01/2014, giá thuê trọn gói là 144.000.000 VND/năm (đã bao gồm VAT). Thanh toán 1 năm 1 lần sau khi nhận hóa đơn GTGT.

- Hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu Thành Long số 01-HĐTCHXD/DKTN giữa Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên với Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Thành Long ngày 25/09/2014 về việc thuê toàn bộ cửa hàng xăng dầu Thành Long thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Thành Long tại địa chỉ tổ 28 (tổ 61 trước đây) thuộc phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian thuê là 15 năm từ ký hợp đồng. Giá thuê trọn gói là 180.000.000 VND/năm. Thanh toán tiền thuê thành 3 kỳ, mỗi kỳ 5 năm và thanh toán vào cuối mỗi kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	597.057.024	2.257.691.561
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	29.140.290.201	26.543.137.369
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	597.057.024	-	-	597.057.024
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.849.452.840	-	-	13.849.452.840
	<b>14.634.439.864</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.634.439.864</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	1.784.800.000	7.139.200.000	439.100.000	9.363.100.000
Phải trả người bán, phải trả khác	17.626.933.782	-	-	17.626.933.782
Chi phí phải trả	10.253.803	-	-	10.253.803
	<b>19.421.987.585</b>	<b>7.139.200.000</b>	<b>439.100.000</b>	<b>27.000.287.585</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(4.787.547.721)</b>	<b>(7.139.200.000)</b>	<b>(439.100.000)</b>	<b>(12.365.847.721)</b>
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.257.691.561	-	-	2.257.691.561
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.494.116.355	-	-	18.494.116.355
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
	<b>20.751.807.916</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.751.807.916</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	43.133.615.880	-	-	43.133.615.880
Chi phí phải trả	12.765.710	-	-	12.765.710
	<b>43.146.381.590</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>43.146.381.590</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(22.394.573.674)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(22.394.573.674)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mặc dù chênh lệch thanh khoản thuần tại thời điểm 31/12/2014 khoảng 4,9 tỷ đồng, tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.




Đỗ Thị Thu Hằng  
Người lập biểu

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2015



Đỗ Thị Thu Hằng  
Phụ trách kế toán



  
Hoàng Ngọc Hà  
Giám đốc